

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/12/2024
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Được

2. Ông Huỳnh Văn Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:**
Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Hồng T trình bày yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2009 chị và anh Phạm Thanh P tự nguyện cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, anh P không lo làm ăn, nên vợ chồng hay cãi nhau, chị có khuyên nhưng anh P vẫn không thay đổi, sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ năm 2023. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thanh P.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Bảo D sinh ngày 04/11/2008 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn anh Phạm Thanh P trình bày yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Theo chị T trình bày là đúng, vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau và ly thân. Nay chị T xin ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Bảo D sinh ngày 04/11/2008 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng. Anh P đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T ly hôn anh P. Về con chung: Phạm Bảo D sinh ngày 04/11/2008 có nguyện vọng sống chung với chị T, chị T có yêu cầu được nuôi con chung, anh P chấp nhận để chị T nuôi nên đề nghị chấp nhận giao con cho chị T tiếp tục nuôi. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung chị T và anh P không tranh chấp không khởi kiện nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị T và anh P là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị T, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng T và anh Phạm Thanh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 16/6/2009 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp.

Xét yêu cầu của T xin ly hôn anh P, theo lời khai của chị T và anh P sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn,

do anh P không làm ăn lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc nên ly thân, thời gian ly thân vợ chồng không bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị T xin được ly hôn và anh P chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị T. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh P chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị T là tự nguyện nên Toà chấp nhận cho chị T được ly hôn anh P là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên Phạm Bảo D sinh ngày 04/11/2008 từ khi vợ chồng ly thân, chị T nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con đã ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cháu D có nguyện vọng sống chung với chị T và chị T có yêu cầu được nuôi con chung, anh P chấp nhận để con chung cho chị T tiếp tục nuôi vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Phạm Thanh P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng T phải chịu án phí theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng T được ly hôn anh Phạm Thanh P.
- Về con chung: Giao con tên Phạm Bảo D, sinh ngày 04/11/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011453 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh